.3 TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2017/HSST
Ngày: 10/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Thiên Nga

2. Ông Phạm Duy Phong

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Thu Hà - Cán bộ Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đỗ Trọng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị Nga**, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1962 tại Hải Phòng;

ĐKHKTT: Đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Đường A, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Phạm Văn Q (đã chết) và con bà Phạm Thị T (đã chết); bị cáo có chồng là Hoàng Bá D (đã chết); có 03 con, con lớn sinh 1984, con nhỏ sinh 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. **Trương Văn L**, sinh ngày 29 tháng 6 năm 1986 tại Hải Phòng;

ĐKHKTT: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trương Văn T, sinh năm 1959 và bà Trần Thị N, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Đường Thị N, sinh năm 1987 và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Bản án số 65/2010/HSST ngày 08/10/2010, Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 10.000.000 đồng về tội "Đánh bạc"; bị

cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. **Tạ Thị P**, sinh ngày 26 tháng 02 năm 1968 tại Hải Phòng.

ĐKHKTT: Đường Đ, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Đường N, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; con ông Tạ Văn L (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1931; bị cáo có chồng là Vũ Xuân H, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh 1999, con nhỏ sinh 2003; tiền án, tiền sự: Bản án số 76/2010/HSST ngày 05/9/2017, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xử phạt 04 tháng tù về tội "Đánh bạc"; bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh; có mặt.

4. **Trịnh Thị H**, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1989 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Mặt bằng S, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; con ông Trịnh Văn P, sinh năm 1963 và bà Đỗ Thị M, sinh năm 1965; Bị cáo có chồng là Nguyễn Đức T, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. **Trần Minh T**, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1981 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Đường A, phường L, quận Nyền, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trần Minh Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. **Bùi Thị Kim Ph**, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1970 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; con ông Bùi Trọng H (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1937; Bị cáo có chồng là Đinh Văn T (đã chết) và có 01 con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. **Lê Thị Hồng H**, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1969 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Đường N, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; con ông Lê Tiến C (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1968 và có 02 con, con lớn sinh 1993, con nhỏ sinh 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo

bị tạm giữ ngày 15/7/2017, đến 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. **Nguyễn Nam Q**, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1984 tại Hải Phòng.

Nơi cư trú: Phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đồng Thị T, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1992 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ ngày 15/7/2017 đến ngày 19/7/2017 thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q bị Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 14/7/2017 tại số A, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng, Công an quận Ngô Quyền bắt quả tang 02 chiếu bạc gồm 08 đối tượng là Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức "đánh lốc". Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng gồm: tại chiếu bạc của P, Ph, H, T thu 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và số tiền 6.430.000 đồng; tại chiếu bạc của N, Long, H, Q thu 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và số tiền 6.380.000 đồng.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận: Khoảng 14 giờ ngày 14/7/2017, Bùi Thị Kim Ph, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Tạ Thị P đến nhà Phạm Thị N ở số A, phường Đ chơi. Sau đó cả nhóm rủ nhau đánh bạc, các đối tượng lấy bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà N và quy định hình thức chơi là "đánh lốc". Cụ thể: Người về nhất được cả tiền của ba người còn lại, ba người còn lại căn cứ vào số lá bài còn trên tay của mình sẽ phải trả cho người về nhất tương ứng 5.000 đồng/lá bài; Nếu trong cùng một ván chơi, ai có bài "cháy" (các lá bài trên tay không tạo thành các cặp số hoặc dãy số liên tiếp) thì sẽ trả người nhất 70.000 đồng, ai có bài báo "lốc" tức là bài của người đó được tạo thành các cặp số hoặc dãy số liên tiếp không có quân bài nào thừa thì những người chơi còn lại phải trả cho người báo "lốc" 100.000 đồng. Trường hợp có người bắt được bài của người báo "lốc" thì người báo "lốc" phải trả cho người đó 400.000 đồng. Trước khi chơi, N quy định sau một giờ chơi mỗi người phải nộp cho N 10.000 đồng tiền hồ. Thống nhất xong, Ph là người chia ván bài đầu tiên để cho H, T và Phúc cùng chơi. Đến 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Nam Q, Lê Thị Hồng H, Trương Văn L và Vũ Thị T, sinh năm 1962, trú tại đường N, phường L, quận N, thành phố

Hải Phòng đến nhà N chơi. Cả nhóm lấy bộ tú lơ khơ có sẵn tại nhà N và rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền, cách thức chơi giống như nhóm trước đang chơi và N quy định trong khi chơi, ai báo "lốc" phải bỏ ra 10.000 đồng nộp tiền hồ cho N. Trước khi chơi, do không có tiền nên N hỏi vay của T 500.000 đồng để đánh bạc, T cho N vay tiền và ngồi cạnh N xem đánh bạc. Nga là người chia ván bài đầu tiên để cho Q, L, H cùng chơi. Hai nhóm đánh bạc đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc thứ nhất của Ph, H, T, P gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 6.430.000 đồng (trong đó 6.350.000 đồng dùng đánh bạc, 80.000 đồng tiền hồ nộp cho N). Số tiền các đối tượng đã dùng để đánh bạc: Trịnh Thị H có 3.400.000 đồng, khi bị bắt đang thắng 420.000 đồng; Trần Minh T có 1.500.000 đồng, khi bị bắt đang bị thua 600.000 đồng; Tạ Thị P có 800.000 đồng, khi bị bắt đang thắng 500.000 đồng; Bùi Thị Kim Ph có 730.000 đồng, khi bị bắt đang bị thua 400.000 đồng.

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc thứ hai của N, L, Q, H gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 6.380.000 đồng (trong đó 6.350.000 đồng dùng đánh bạc, 30.000 đồng tiền hồ nộp cho N). Số tiền các đối tượng đã dùng để đánh bạc: Trương Văn L có 5.500.000 đồng, khi bị bắt đang thắng 400.000 đồng; Phạm Thị N có 500.000 đồng, khi bị bắt đang bị thua 60.000 đồng; Lê Thị Hồng H có 270.000 đồng, khi bị bắt bị thua hết; Nguyễn Nam Q có 110.000 đồng, khi bị bắt đang bị thua 100.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 103/CT-VKS ngày 13/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, Hải Phòng đã truy tố bị cáo Phạm Thị N phạm tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 và tội "Gá bạc" theo điều khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q đồng phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị N với mức án từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" và từ 12 tháng tù

đến 15 tháng tù về tội "Gá bạc", tổng hợp hình phạt của cả hai tội từ 15 tháng tù đến 21 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn L với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tạ Thị P với mức án từ 03 tháng đến 06 tháng tù về tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Minh T với mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trịnh Thị H với mức án từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim Ph với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc";

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng H với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc";

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Nam Q với mức án từ 12 tháng đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Phạt các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để sung Công quỹ Nhà nước;

Xử lý vật chứng của vụ án, buộc các bị cáo phải nộp án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

Ngày 14/7/2017, Phạm Thị N đã có hành vi sử dụng nhà ở của mình tại số A, phường L, quận N làm địa điểm cho 07 bị cáo khác đánh bạc trên hai chiếu bạc và đã thu được 110.000 đồng tiền hồ. Như vậy, hành vi của Phạm Thị N đã cấu thành tội "Gá bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Phạm Thị N cùng với Trương Văn L, Nguyễn Nam Q, Lê Thị Hồng H, Bùi Thị Kim Ph, Trịnh Thị H, Trần Minh T và Tạ Thị P đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức "đánh lốc". Tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc tại hai chiếu bạc là 12.700.000 đồng (6.350.000 đồng + 6.350.000 đồng). Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Nguyễn Nam Q, Lê Thị Hồng H, Bùi Thị Kim Ph, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Tạ Thị P đủ yếu tố cấu thành đồng phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng truy tố đối với các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong cộng đồng dân cư nên cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 20 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để phân hóa tội phạm cũng như áp dụng một mức hình phạt tương xứng theo quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò, nhân thân đối với các bị cáo:

Phạm Thị N sử dụng nhà ở của mình làm địa điểm cho nhiều người đánh bạc trên hai chiếu bạc và đã thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc nên bị cáo N phải chịu hình phạt độc lập về hành vi "gá bạc".

Đối với hành vi "đánh bạc" trái phép được thua bằng tiền của các bị cáo N, L, H, Q, H, T, P và Ph: Bị cáo L tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất là 5.500.000 đồng nên L phải chịu hình phạt cao nhất. Tiếp đến là bị cáo H khi tham gia đánh bạc với số tiền là 3.400.000 đồng nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác nhưng thấp hơn so với L. Bị cáo T tham gia đánh bạc với số tiền là 1.500.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại và thấp hơn so với H. Bị cáo P và Ph tham gia đánh bạc với số tiền là 800.000 đồng

và 7.500.000 đồng, do vậy các bị cáo phải chịu mức hình phạt ngang bằng nhau nhưng thấp hơn so với bị cáo T. Bị cáo N tham gia đánh bạc với số tiền là 500.000 đồng nên phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với Phúc và Phượng. Đối với bị cáo H và Q tham gia đánh bạc với số tiền ít nhất nên chỉ phải chịu mức hình phạt thấp nhất so với các bị cáo trong vụ án.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và lượng hình đối với các bị cáo:

Bị cáo L có một tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo P trước lần phạm tội này, đã có hành vi đánh bạc và bị kết án theo Bản án số 76/2017/HSST ngày 05/9/2017; do đó lần xét xử này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm".

Các bị cáo Q, H, P, H, T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân đều không có tiền án, tiền sự, do đó được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo N, L, P, Q, H, Ph, H, Thắng đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, vì vậy, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N, H, Q, T có ông nội, ông ngoại, bác ruột là liệt sỹ; bị cáo P có con trai hiện đang công tác trong ngành lực lượng vũ trang; nên các bị cáo N, Ph, T, H, Q đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, căn cứ vào vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

Bị cáo Nga phạm hai tội "Đánh bạc" và "Gá bạc"; bị cáo L có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm"; bị cáo P có tiền án, tuy không tính là tái phạm nhưng không được xét là có nhân thân tốt. Vì vậy, cần bắt các bị cáo N, L, P phải chấp hành hình phạt cách ly khỏi xã hội mới đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

Các bị cáo H, T, P, H, Quang đều có nơi cư trú rõ ràng, đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xét hành vi của các bị cáo không còn gây nguy hiểm cho xã hội nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tương thích cải tạo ngoài xã hội, đồng thời giao các bị cáo về nơi cư trú giám sát giáo dục, khẳng định tính khoan hồng của pháp luật.

Vì vậy, cho các bị cáo H, T được hưởng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự. Cho các bị cáo P, H, Q được hưởng hình phạt Cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 31 của Bộ luật Hình sự. Đối với 01 ngày tạm giữ của các bị cáo P, H, Q tại cơ quan điều tra được chuyển đổi thành 03 ngày Cải tạo không giam giữ để trừ vào thời gian phải chấp hành. Do các bị cáo Ph, H, Q không có thu nhập ổn định nên được miễn khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q. Phạt mỗi bị cáo 3.000.000 đồng để sung Công quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 cây bài là dụng cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước số tiền 12.700.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc và số tiền 110.000 đồng tiền hồ là tiền thu lời bất chính mà N đã thu được từ các bị cáo khi tham gia đánh bạc.

Trong vụ án này có Vũ Thị T đã cho Phạm Thị N vay tiền để đánh bạc. Xét thấy hành vi của T tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể; nhân thân T chưa có tiền án, tiền sự; việc cho N vay tiền để đánh bạc không vì mục đích vụ lợi; do đó Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Vũ Thị T.

Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị N cùng với Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H và Nguyễn Nam Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Thị N** phạm tội "Gá bạc" và tội "Đánh bạc". Các bị cáo **Trương Văn L**, **Tạ Thị P**, **Trịnh Thị H**, **Trần Minh T**, **Bùi Thị Kim Ph**, **Lê Thị Hồng H** và **Nguyễn Nam Q** đồng phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị N.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trương Văn L.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 51; Điều 53 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Tạ Thị P.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trịnh Thị H, Trần Minh T.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Thị Kim Ph, Nguyễn Nam Q.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 31 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Hồng H.

Xử phạt:

1. Bị cáo **Phạm Thị N 04** (Bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc" và **12** (Mười hai) tháng tù về tội "Gá bạc". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị N phải chịu hình phạt chung của cả hai tội là **16** (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017.

2. Bị cáo **Trương Văn L 09** (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, được trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017.

3. Bị cáo **Tạ Thị P 05** (Năm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) tháng tù của Bản án số 76/2017/HSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam bị cáo để thi hành án, được trừ tổng cộng 11 ngày tạm giữ (03 ngày từ ngày 12/3/2017 đến ngày 20/3/2017 và 03 ngày từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017).

4. Bị cáo **Trịnh Thị H 08** (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Bị cáo **Trần Minh T 07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Minh T cho Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Bị cáo **Bùi Thị Kim Ph 15** (Mười năm) tháng Cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tại Cơ quan điều tra từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017 thành 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày giao Ủy ban nhân dân phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

7. Bị cáo **Lê Thị Hồng H 12** (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ tại Cơ quan điều tra từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017 thành 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày giao Ủy ban nhân dân phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

8. Bị cáo **Nguyễn Nam Q 12** (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 03 ngày tạm giữ từ ngày 15/7/2017 đến ngày 18/7/2017 thành 09 ngày Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn Cải tạo không giam giữ tính từ ngày giao Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H, Nguyễn Nam Q mỗi bị cáo phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để sung Công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H và Nguyễn Nam Q chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu tiêu hủy 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ có 52 cây bài; Tịch thu sung Công quỹ Nhà nước tổng số tiền là 12.810.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm mười nghìn đồng) theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo Phạm Thị N, Trương Văn L, Tạ Thị P, Trịnh Thị H, Trần Minh T, Bùi Thị Kim Ph, Lê Thị Hồng H và Nguyễn Nam Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo và Cải tạo không giam giữ)

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền;
- Công an quận Ngô Quyền;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hải Yến